VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 91/2025/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về thẩm định thiết kế, thi công đóng mới, hoán cải và đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về thẩm định thiết kế, thi công đóng mới, hoán cải và đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế đóng mới, hoán cải, nhập khẩu; thi công, giám sát đóng mới, hoán cải phương tiện thủy Công an nhân dân; trình tự, thủ tục đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân.

2. Công an các đơn vị, địa phương.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thiết kế, thi công đóng mới, hoán cải, nhập khẩu phương tiện thủy Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện thủy Công an nhân dân* là tàu, xuồng máy, mô tô nước, thuyền và các cấu trúc nổi khác có động cơ hoặc không có động cơ được trang bị cho lực lượng Công an nhân dân để phục vụ nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội và an ninh quốc gia (sau đây viết gọn là phương tiện thủy).

2. *Xuồng máy Công an nhân dân* là phương tiện thủy chuyên dùng của lực lượng Công an nhân dân, có chiều dài lớn nhất đến 12m, sức chở tối đa 12 người, công suất máy chính đến 250HP đối với trường hợp lắp máy trong và đến 400HP đối với trường hợp lắp máy ngoài, lượng chiếm nước có ích tối đa đến 1,5m^3, chỉ cần một người điều khiển và không sử dụng bánh lái để chuyển hướng.

3. *Thiết kế đóng mới* là thiết kế phương tiện thủy theo hợp đồng cho một mẫu, một loạt hay một sản phẩm riêng biệt để triển khai đóng mới, chế tạo lần đầu phương tiện thủy.

4. *Thiết kế hoán cải* là thiết kế cho phương tiện thủy hiện có nhằm mục đích cải tạo hoặc thay đổi một số phần như vỏ, máy, điện, tính năng, công dụng, cấp kỹ thuật hoặc khả năng khai thác của phương tiện đó.

5. *Thiết kế thi công* là thiết kế được sử dụng để chi tiết hóa các bản vẽ kỹ thuật, phù hợp với bản vẽ kỹ thuật và để phục vụ công tác sản xuất, chế tạo và kiểm tra tại hiện trường, phù hợp với quy trình công nghệ của đơn vị thi công. Các quy trình chế tạo, thi công là một phần của thiết kế thi công.

6. *Thiết kế lập hồ sơ* là thiết kế lập trên cơ sở phương tiện thủy hiện có để kiểm nghiệm theo yêu cầu của quy phạm, khả năng khai thác của phương tiện thủy và để kiểm tra lần đầu cho phương tiện thủy.

7. *Thiết kế hoàn công* là thiết kế tập hợp các bản vẽ, hồ sơ cuối cùng sau khi hoàn thành việc đóng phương tiện thủy, phù hợp với thực tế đóng phương tiện, trong đó có cập nhật đầy đủ tất cả các bản vẽ, thông báo sửa đổi đã được chấp

thuận, thể hiện đầy đủ và cụ thể hóa các yêu cầu, khuyến nghị do đơn vị thẩm định thiết kế đưa ra từ thiết kế đóng mới, hoán cải.

8. *Thiết kế sửa đổi* là thiết kế bổ sung, sửa đổi thiết kế đã được thẩm định nhưng chưa triển khai đóng mới hoặc đang trong giai đoạn đóng mới, trong đó có sửa đổi một số phần hoặc chi tiết so với thiết kế đã được thẩm định.

9. *Đăng kiểm lần đầu* là kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy so với thiết kế đã được thẩm định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để xác nhận cấp kỹ thuật của phương tiện thủy.

10. *Đăng kiểm duy trì cấp* là việc kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy và cấp kỹ thuật của phương tiện thủy (bao gồm các hình thức kiểm tra định kỳ, hàng năm, trên đà).

11. *Đăng kiểm hàng năm* là kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy đã được xác nhận trước đó, qua đó đăng kiểm viên kết luận phương tiện thủy được phép hoạt động, hạn chế hoạt động hay đình chỉ hoạt động trong thời gian tiếp theo.

12. *Đăng kiểm trên đà* là đưa phương tiện thủy lên đà hay vào cụ để đăng kiểm viên kiểm tra phần ngâm nước của phương tiện thủy, nhằm xác nhận trạng thái kỹ thuật các phần chìm dưới nước để đánh giá duy trì cấp kỹ thuật đã được cấp cho phương tiện thủy.

13. *Đăng kiểm định kỳ* là việc kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy và đánh giá lại cấp kỹ thuật của phương tiện thủy.

14. *Kiểm tra bất thường* là kiểm tra theo yêu cầu của đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy hoặc theo chỉ đạo của Bộ Công an. Căn cứ vào mục đích kiểm tra, tuổi của phương tiện thủy và trạng thái kỹ thuật của phương tiện thủy, cơ quan đăng kiểm quy định khối lượng kiểm tra và trình tự tiến hành kiểm tra đối với từng trường hợp cụ thể.

15. *Hồ sơ thi công công nghệ* bao gồm các bản vẽ kỹ thuật, thuyết minh, quy trình công nghệ thể hiện chi tiết quá trình đóng phương tiện thủy, chủng loại, số lượng, nhãn hiệu của các trang thiết bị lắp đặt trên phương tiện thủy.

16. *Đơn vị thiết kế* là đơn vị trong hoặc ngoài ngành Công an có chức năng, nhiệm vụ thiết kế phương tiện thủy theo quy định của pháp luật thực hiện việc thiết kế đóng mới, hoán cải phương tiện thủy, thiết kế lập hồ sơ phương tiện thủy nhập khẩu cho lực lượng Công an nhân dân.

17. *Đơn vị thi công* là đơn vị trong hoặc ngoài ngành Công an có chức năng, nhiệm vụ thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy theo quy định của pháp luật thực hiện việc thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy cho lực lượng Công an nhân dân.

18. *Giám sát thi công* là hoạt động kiểm tra, giám sát trong quá trình đóng mới, hoán cải phương tiện thủy để bảo đảm phương tiện thủy được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác của Bộ Công an.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy

1. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm kịp thời, chính xác, đúng đối tượng, mục đích, an toàn, có hiệu quả và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công an các đơn vị, địa phương.

3. Chỉ cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Thông tư này mới được tiến hành hoạt động đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy.

Điều 5. Cán bộ làm nhiệm vụ đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy

1. Cán bộ làm nhiệm vụ đăng ký phương tiện thủy Công an nhân dân đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian công tác trong lực lượng Cảnh sát giao thông tối thiểu là 01 năm;

b) Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ về đăng ký phương tiện thủy do Cục Cảnh sát giao thông hoặc Công an tỉnh, thành phố tổ chức.

2. Cán bộ làm nhiệm vụ đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian công tác trong lực lượng Cảnh sát giao thông tối thiểu là 01 năm;

b) Đã hoàn thành chương trình tập huấn về nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy do Cục Cảnh sát giao thông hoặc Công an tỉnh, thành phố tổ chức.

Điều 6. Biểu mẫu phục vụ công tác đăng ký, đăng kiểm

Ban hành kèm theo Thông tư này các phụ lục, biểu mẫu phục vụ công tác đăng ký, đăng kiểm như sau:

1. Phụ lục về nội dung và phương pháp kiểm tra (Phụ lục I).

2. Phụ lục về ký hiệu các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng phương tiện thủy (Phụ lục II).

3. Giấy khai đăng ký phương tiện thủy (Mẫu ĐK1).

4. Giấy đăng ký phương tiện thủy (Mẫu ĐK2).

5. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy (Mẫu ĐK3).

6. Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy (Mẫu ĐK4).

7. Biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy (Mẫu ĐK5).

8. Nhật ký hoạt động phương tiện thủy (Mẫu ĐK6).

9. Biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy (Mẫu ĐK7).

10. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy (Mẫu ĐK8).

11. Biên bản kiểm tra giám sát thi công (Mẫu ĐK9).

12. Sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy (Mẫu ĐK10).

Điều 7. Quản lý và sử dụng biểu mẫu đăng ký, đăng kiểm

1. Quản lý, sử dụng biểu mẫu

a) Cục Cảnh sát giao thông thống nhất quản lý, đặt in tại các cơ sở sản xuất trong Công an nhân dân theo đề nghị của Công an các đơn vị, địa phương các biểu mẫu ĐK2, ĐK3, ĐK4 và ĐK8. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát giao thông) có văn bản gửi Cục Cảnh sát giao thông, đồng gửi cơ sở sản xuất biểu mẫu có chức năng trong Công an nhân dân để đặt in biểu mẫu và thanh quyết toán theo quy định;

b) Công an các đơn vị, địa phương in, quản lý và phát hành các biểu mẫu số ĐK1, ĐK5, ĐK6, ĐK7, ĐK9 và ĐK10 để sử dụng;

c) Khi in các biểu mẫu quy định tại khoản này không được thay đổi nội dung, kích thước, màu sắc, chất liệu của biểu mẫu; Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý việc in, cấp phát, sử dụng biểu mẫu và có sổ theo dõi;

d) Kinh phí in, cấp phát biểu mẫu sử dụng trong công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ Công an cấp cho Công an các đơn vị, địa phương. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán, quyết toán kinh phí in biểu mẫu theo quy định.

2. Tiêu huỷ biểu mẫu

a) Định kỳ tháng 12 hằng năm, cơ quan quản lý, sử dụng biểu mẫu thống kê biểu mẫu được đặt in tại các cơ sở sản xuất bị hỏng, thu hồi, không phù hợp với quy định hiện hành thì căn cứ tình hình thực tế, Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định

phương tiện báo cáo lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo lãnh đạo Công an tỉnh, thành phố quyết định cho phép tiêu hủy và thành lập Hội đồng tiêu hủy theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản này;

b) Thành phần Hội đồng tiêu hủy tại Cục Cảnh sát giao thông gồm: lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông là Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Tham mưu, tổng hợp, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện là Ủy viên; cán bộ Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện là Thư ký;

c) Thành phần Hội đồng tiêu hủy tại Công an tỉnh, thành phố gồm: lãnh đạo Công an tỉnh, thành phố là Chủ tịch Hội đồng; Chánh thanh tra Công an tỉnh, thành phố, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông là Ủy viên; cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông là Thư ký;

d) Việc tiêu hủy biểu mẫu phải được lập biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ, lý do thực hiện việc tiêu hủy; thời gian, địa điểm; thành phần tham gia; thống kê số lượng, tên biểu mẫu, hình thức tiêu hủy.

Chương II
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, NHẬP KHẨU; THI CÔNG, GIÁM SÁT ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI PHƯƠNG TIỆN THỦY

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế phương tiện thủy

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy đối với trường hợp phương tiện thủy đóng mới, hoán cải, gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định thiết kế của đơn vị thiết kế;

b) Bản phô tô hợp đồng về việc thiết kế đóng mới, hoán cải phương tiện thủy của Công an các đơn vị, địa phương;

c) Hồ sơ thiết kế (03 bộ chính), gồm: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện thủy.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy đối với trường hợp phương tiện thủy nhập khẩu, gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định thiết kế của đơn vị thiết kế kèm cam kết thiết kế lập hồ sơ là đúng với thực tế phương tiện thủy, phương tiện thủy đã được bổ sung lắp đặt trang thiết bị phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam;

b) Bản phô tô hợp đồng về việc thiết kế lập hồ sơ phương tiện thủy của Công an các đơn vị, địa phương;

c) Hồ sơ thiết kế (03 bộ chính), gồm: bản tính, bản vẽ, thuyết minh và các tài liệu kỹ thuật (nếu có) theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện thủy;

d) Hồ sơ xác định tuổi của phương tiện thủy (nếu đủ điều kiện xác định);

đ) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

e) Các biên bản khảo sát, kiểm tra phương tiện thủy để thiết kế lập hồ sơ;

g) Các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện thủy (nếu có).

Điều 9. Nội dung thẩm định thiết kế phương tiện thủy

1. Kiểm tra tính pháp lý của đơn vị thiết kế.

2. Kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định, đánh giá sự phù hợp của hồ sơ thiết kế với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho phương tiện thủy và quy định của pháp luật.

Điều 10. Trình tự thẩm định thiết kế, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy đối với phương tiện thủy đóng mới, hoán cải

1. Đơn vị thiết kế lập hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan thẩm định thiết kế quy định tại Điều 16 Thông tư này. Thư ký Hội đồng thẩm định thiết kế phương tiện thủy (sau đây viết gọn lại Hội đồng thẩm định) tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn đơn vị thiết kế bổ sung theo quy định.

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế hợp lệ, các thành viên trong Hội đồng thẩm định nghiên cứu, tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức cuộc họp thẩm định.

3. Thư ký Hội đồng thẩm định tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định.

4. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, Thư ký Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký duyệt, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy. Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Thư ký Hội đồng thẩm định thông báo cho đơn vị thiết kế biết để chỉnh sửa. Sau khi đơn vị thiết kế đã chỉnh sửa hồ sơ đạt yêu cầu theo ý kiến của Hội đồng thẩm định thì Thư ký Hội đồng thẩm định trình

Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký duyệt, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy.

5. Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm đóng dấu "Đã kiểm tra, đối chiếu" lên trang bìa tài liệu hướng dẫn, dấu "Đã thẩm định" và ghi số thẩm định tại trang bìa hồ sơ thiết kế.

6. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy được lập thành 03 bản: 01 bản giao cho đơn vị thiết kế, 01 bản giao cho chủ đầu tư, 01 bản lưu tại Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi.

Điều 11. Trình tự cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy đối với phương tiện thủy nhập khẩu

1. Đơn vị thiết kế lập hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan thẩm định thiết kế quy định tại Điều 16 Thông tư này. Thư ký Hội đồng thẩm định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, nếu chưa đầy đủ thì hướng dẫn đơn vị thiết kế bổ sung theo quy định.

2. Hội đồng thẩm định giao các thành viên Hội đồng thẩm định quy định tại điểm b, điểm e khoản 1 Điều 16 Thông tư này tổ chức kiểm tra thiết kế lập hồ sơ với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà phương tiện thủy áp dụng. Trường hợp thiết kế lập hồ sơ không bảo đảm thì Thư ký Hội đồng thẩm định thông báo, trả hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cho đơn vị thiết kế lập hồ sơ để bổ sung, hiệu chỉnh theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Trường hợp thiết kế lập hồ sơ bảo đảm thì Cục Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm tra phương tiện thủy nhập khẩu để đánh giá sự phù hợp của hồ sơ với thực tế phương tiện thủy.

a) Đối với phương tiện thủy nhập khẩu hoặc hồ sơ lập thiết kế không bảo đảm yêu cầu thì đơn vị nhập khẩu hoặc đơn vị lập thiết kế phải tiến hành khắc phục trước khi kiểm tra lại;

b) Đối với phương tiện thủy nhập khẩu bảo đảm yêu cầu thì căn cứ hồ sơ và kết quả kiểm tra, Thư ký Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký duyệt, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

3. Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm đóng dấu "Đã kiểm tra, đối chiếu" lên trang bìa tài liệu hướng dẫn, dấu "Đã thẩm định" và ghi số thẩm định tại trang bìa hồ sơ thiết kế.

4. Cục Cảnh sát giao thông cấp số kiểm soát theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Thông tư này.

5. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy được lập thành 03 bản; 01 bản giao cho đơn vị thiết kế, 01 bản giao cho chủ đầu tư, 01 bản lưu tại Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi.

Điều 12. Thời hạn thẩm định thiết kế, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy

Thời hạn thẩm định thiết kế tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ thiết kế đối với loại phương tiện thủy đóng bằng vật liệu mới, công nghệ mới hoặc phức tạp thì tối đa không quá 60 ngày.

Điều 13. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy

1. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy bị hỏng, sai thông tin trên Giấy chứng nhận thì được cấp đổi theo quy định. Đơn vị thiết kế hoặc chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Cục Cảnh sát giao thông. Hồ sơ cấp đổi, gồm:

a) Công văn đề nghị đổi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người liên hệ;

b) Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy bị hỏng, sai thông tin.

2. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy bị mất thì được cấp lại theo quy định. Đơn vị làm mất Giấy chứng nhận nộp văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế (nêu rõ lý do mất và cam kết về việc mất Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Cục Cảnh sát giao thông. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người liên hệ.

3. Thời hạn đổi, cấp lại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 14. Giám sát thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy

1. Việc giám sát thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy Công an nhân dân do Cục Cảnh sát giao thông hoặc các đơn vị trong Công an nhân dân có chức năng giám sát thi công đóng mới, hoán cải thực hiện (sau đây viết gọn là đơn vị giám sát thi công).

2. Trường hợp các đơn vị giám sát thi công trong lực lượng Công an nhân dân không đáp ứng được yêu cầu về năng lực giám sát thi công thì được phép thuê đơn vị giám sát thi công ngoài ngành Công an có đủ tư cách pháp nhân và năng lực giám sát thi công thực hiện. Kinh phí thực hiện do chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

3. Đơn vị giám sát thi công phải lập biên bản về nội dung, kết quả quá trình giám sát thi công (theo mẫu ĐK9); chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bộ Công an về chất lượng giám sát thi công, tính trung thực và chính xác của các tài liệu đã cung cấp cho cơ quan đăng kiểm.

Điều 15. Thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy

1. Việc thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy (sau đây viết gọn là thi công) phải thực hiện tại đơn vị thi công có chức năng, đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thi công phải lập phương án công nghệ, tiến độ thi công dự kiến, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông để phối hợp kiểm tra trong quá trình thi công.

3. Phương tiện thủy phải được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Hội đồng thẩm định phê duyệt và bảo đảm các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4. Vật tư, trang thiết bị lắp đặt trên phương tiện thủy phải thỏa mãn tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài nước chứng nhận về chất lượng hoặc có kết quả thử nghiệm của đơn vị sản xuất đạt yêu cầu và được sự chấp thuận của đơn vị giám sát thi công, chủ đầu tư.

5. Đơn vị thi công, đơn vị giám sát thi công phải kiểm tra, lập biên bản kiểm tra, nghiệm thu chất lượng theo mẫu ĐK09 ban hành kèm theo Thông tư này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bộ Công an về nội dung, chất lượng thi công, nguồn gốc, xuất xứ, tính trung thực và chính xác của các tài liệu đã cung cấp cho cơ quan đăng kiểm.

6. Số kiểm soát phương tiện thủy

a) Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy, số lượng phương tiện thủy đóng mới, nhập khẩu, Cục Cảnh sát giao thông cấp số kiểm soát cho phương tiện thủy (sau đây viết gọn là số kiểm soát);

b) Số kiểm soát bao gồm 8 ký tự có kết cấu như sau: CAabcdef. Trong đó: CA là tên viết tắt của cơ quan đăng kiểm Công an nhân dân; ab là 2 số cuối của năm phê duyệt thiết kế hoặc năm nhập khẩu; cdef là số thứ tự từ 0001 đến 9999;

c) Số kiểm soát phải được hàn trực tiếp tại mặt ngoài vách lái hoặc được đóng chìm trên mảnh hợp kim nhôm có kích thước 50mm x 100mm và gắn cố định lên phương tiện thủy tại vị trí dễ quan sát trên cabin hoặc mặt ngoài vách lái.

7. Phương tiện thủy được thi công theo quy định tại Thông tư này, dấu mạn khô có ký hiệu của đăng kiểm Công an nhân dân là CA. Chữ C và A được ghi mỗi chữ một bên của vòng tròn. Kích thước của chữ là 100mm x 60mm và chiều dày nét chữ là 15mm.

8. Kiểm tra trong quá trình thi công phương tiện thủy

Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra của đơn vị giám sát thi công, tiến độ thi công, Cục Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm tra nghiệm thu thử tại bến và thử đường dài. Trường hợp kiểm tra các hạng mục khác Cục Cảnh sát giao thông sẽ thông báo trước khi thực hiện.

Điều 16. Hội đồng thẩm định thiết kế phương tiện thủy

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông quyết định thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế phương tiện thủy Công an nhân dân. Thành phần gồm:

a) Lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông là Chủ tịch Hội đồng;

b) Lãnh đạo và cán bộ Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Cục Cảnh sát giao thông là Ủy viên;

c) Lãnh đạo và cán bộ Phòng Quản lý phương tiện và xăng dầu, Cục Trang bị và kho vận là Ủy viên;

d) Lãnh đạo và cán bộ Viện Quang học, cơ khí và vật liệu chuyên dụng, Cục Công nghiệp an ninh là Ủy viên;

đ) Lãnh đạo và cán bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nam Triệu, Cục Công nghiệp an ninh là Ủy viên;

e) Cán bộ Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Cục Cảnh sát giao thông là Ủy viên, Thư ký.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn chung của Hội đồng thẩm định thiết kế

a) Kiểm tra, hướng dẫn đơn vị thiết kế hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thiết kế theo quy định;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế phương tiện thủy Công an nhân dân;

c) Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy;

d) Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên của Hội đồng thẩm định tham gia ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định chưa thống nhất duyệt thiết kế thì Chủ tịch Hội đồng quyết định theo đa số. Đối với các thiết kế phương tiện thủy đóng bằng vật liệu mới, công nghệ mới, phức tạp hoặc phục vụ công tác nghiệp vụ chuyên ngành thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định có thể mời đại diện đơn vị sử dụng phương tiện thủy tham gia thẩm định thiết kế hoặc đại diện đơn vị đăng kiểm ngoài ngành Công an tham gia thẩm định thiết kế;

đ) Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trường hợp có sự thay đổi thành viên Hội đồng thì đơn vị chủ quản phải có văn bản đề nghị gửi Cục Cảnh sát giao thông để bổ sung, kiện toàn Hội đồng thẩm định theo quy định;

e) Cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp với nội dung thẩm định;

g) Hội đồng thẩm định được sử dụng con dấu của Cục Cảnh sát giao thông là con dấu hành chính.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng thẩm định

a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định chỉ đạo tổ chức việc thẩm định thiết kế, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định, ký duyệt hồ sơ thiết kế và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy đối với thiết kế đạt yêu cầu;

b) Ủy viên thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và tham gia ý kiến về hồ sơ thiết kế của đơn vị thiết kế; hướng dẫn đơn vị thiết kế chỉnh sửa các nội dung trong hồ sơ thiết kế trước khi trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định phê duyệt;

c) Ủy viên, Thư ký thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; kiểm tra, hướng dẫn đơn vị thiết kế hoàn thiện về thủ tục, hồ sơ thiết kế; chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và tham gia ý kiến về hồ sơ thiết kế của đơn vị thiết kế; hướng dẫn đơn vị thiết kế chỉnh sửa các nội dung không đảm bảo yêu cầu trong hồ sơ thiết kế; tập hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng, hoàn chỉnh hồ sơ, in Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy trình Chủ tịch Hội đồng ký duyệt; bàn giao hồ sơ cho các đơn vị có liên quan; lưu hồ sơ theo quy định.

Điều 17. Giải quyết các trường hợp cụ thể

1. Phương tiện thủy đã đóng mới tại Việt Nam sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an

a) Trường hợp hồ sơ thiết kế đã được cơ quan đăng kiểm ngoài Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy thì Hội đồng thẩm định không thực hiện thẩm định thiết kế lại;

b) Trường hợp hồ sơ thiết kế chưa được cơ quan đăng kiểm ngoài Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy thì hồ sơ thẩm định thiết kế áp dụng theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều 8 Thông tư này; trình tự cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Trường hợp trong quá trình thi công đóng mới, hoán cải phương tiện thủy cần phải sửa đổi thiết kế cho phù hợp với thực tế thi công, nhu cầu của chủ đầu tư nhưng vẫn bảo đảm các thông số kỹ thuật của phương tiện thủy đã được Hội đồng thẩm định phê duyệt và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thì thực hiện như sau:

a) Đơn vị thi công có văn bản trao đổi và được sự chấp thuận của đơn vị thiết kế, giám sát thi công và chủ đầu tư;

b) Đơn vị thiết kế có trách nhiệm nộp hồ sơ thiết kế sửa đổi (đã có ý kiến chấp thuận của giám sát thi công và chủ đầu tư);

c) Thư ký Hội đồng thẩm định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ thiết kế sửa đổi và thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 Thông tư này.

3. Phương tiện thủy phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng đã đóng, sử dụng tại nước ngoài, sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an

a) Trường hợp phương tiện thủy có hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đã được cơ quan đăng kiểm nước ngoài thẩm định thì không phải thực hiện thẩm định thiết kế lại. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy có trách nhiệm khảo sát, sửa chữa, bảo dưỡng theo các hạng mục kiểm tra trên đà tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; bổ sung trang thiết bị phù hợp với các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, dịch thuật hồ sơ thiết kế. Cục Cảnh sát giao thông kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 11 và cấp số kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này;

b) Trường hợp phương tiện thủy không có hồ sơ thiết kế đã được cơ quan đăng kiểm nước ngoài thẩm định thì hồ sơ thẩm định thiết kế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

c) Trường hợp thiết kế cần bảo đảm yếu tố bí mật, yêu cầu nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân thì việc lập hồ sơ thiết kế phải do đơn vị có chức năng thiết kế, lập hồ sơ thiết kế trong Công an nhân dân thực hiện. Hồ sơ thẩm định thiết kế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này. Nếu đơn vị thiết kế, lập hồ sơ thiết kế trong Công an nhân dân không đáp ứng được yêu cầu về năng lực thì thực hiện đăng kiểm theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Thông tư này.

4. Đối với trường hợp mô tô nước hoặc các kết cấu tương tự mô tô nước nhập khẩu thì không thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy. Cục Cảnh sát giao thông kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 11 và cấp số kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

5. Trường hợp thiết kế loại phương tiện thủy đóng bằng vật liệu mới, công nghệ mới, có tính chất phức tạp mà Hội đồng chưa đáp ứng được có thể kéo dài thời gian thẩm định ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đóng mới, hoán cải thì chủ đầu tư được phép thuê cơ quan đăng kiểm ngoài Bộ Công an thực hiện thẩm định. Kinh phí thực hiện do chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

6. Trường hợp đơn vị thiết kế có nhu cầu tiếp tục sử dụng hồ sơ thiết kế đã được Hội đồng thẩm định phê duyệt thì hồ sơ thẩm định thiết kế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này; trình tự thẩm định thiết kế thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 10 Thông tư này.

Chương III
ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THUỶ CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 18. Cơ quan đăng kiểm phương tiện thủy

Cơ quan đăng kiểm phương tiện thủy trong Công an nhân dân, gồm:

1. Cục Cảnh sát giao thông

a) Đăng kiểm lần đầu phương tiện thủy được thẩm định thiết kế, thi công đóng mới, hoán cải, nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này;

b) Đăng kiểm lần đầu phương tiện thủy của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an (trường hợp phương tiện thủy đã được cơ quan đăng kiểm ngoài ngành Công an đăng kiểm, sau đó chuyển giao cho Bộ Công an).

2. Trung tâm kiểm định xe cơ giới và đăng kiểm phương tiện thủy thuộc Phòng Hướng dẫn đăng ký và kiểm định phương tiện, Cục Cảnh sát giao thông (sau đây viết gọn là Trung tâm kiểm định) thực hiện đăng kiểm duy trì cấp phương tiện thủy của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố. Trung tâm kiểm định có con dấu riêng để phục vụ công tác theo quy định.

3. Phòng Cảnh sát giao thông

a) Đăng kiểm lần đầu phương tiện thủy của Công an tỉnh, thành phố (trường hợp phương tiện thủy đã được cơ quan đăng kiểm ngoài ngành Công an đăng kiểm, sau đó chuyển giao cho Bộ Công an);

b) Đăng kiểm duy trì cấp phương tiện thủy của Công an tỉnh, thành phố và phương tiện thủy của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở đóng quân trên địa bàn.

Điều 19. Thẩm quyền ký các loại giấy tờ về đăng kiểm phương tiện thủy

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ký Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy và các giấy tờ khác có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện thủy theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

2. Giám đốc Trung tâm kiểm định ký Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy và các giấy tờ khác có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện thủy theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

3. Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông ký Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy và các giấy tờ khác có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện thủy theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này.

Điều 20. Hồ sơ đăng kiểm phương tiện thủy

1. Hồ sơ đăng kiểm lần đầu gồm:

a) Công văn đề nghị đăng kiểm của đơn vị thi công (đối với trường hợp phương tiện thủy đóng mới); công văn đề nghị đăng kiểm của đơn vị lập hồ sơ thiết kế (đối

với trường hợp phương tiện thủy nhập khẩu); công văn đề nghị đăng kiểm của đơn vị quản lý, sử dụng hoặc kế hoạch đăng kiểm được cấp có thẩm quyền duyệt, ký;

b) Giấy đăng ký phương tiện thủy (nếu có);

c) Hồ sơ thiết kế được duyệt;

d) Các biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật xuất xưởng (đối với phương tiện thủy đóng mới, hoán cải);

đ) Các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện thủy (nếu có).

2. Hồ sơ đăng kiểm duy trì cấp gồm:

a) Tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b) Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy;

d) Biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy lần gần nhất;

đ) Biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật xuất xưởng (đối với phương tiện thủy đã sửa chữa, thay thế, hoán cải);

e) Hồ sơ thiết kế phương tiện thủy (khi cán bộ đăng kiểm yêu cầu);

g) Nhật ký hoạt động phương tiện thủy (khi cán bộ đăng kiểm yêu cầu);

h) Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, thiết bị vô tuyến điện của đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ (đối với phương tiện thủy hoạt động trên biển);

i) Trường hợp hồ sơ kỹ thuật quy định tại các điểm đ, điểm e khoản này bị thất lạc, mất thì đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy phải xuất trình biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy, ghi rõ lý do và tài liệu thất lạc, mất có xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng.

Điều 21. Trình tự thực hiện đăng kiểm phương tiện thủy

1. Cán bộ đăng kiểm tiếp nhận công văn đề nghị đăng kiểm, kiểm tra hồ sơ đăng kiểm. Nếu hồ sơ đăng kiểm phương tiện thủy chưa hợp lệ thì hướng dẫn đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy bổ sung hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đăng kiểm phương tiện thủy đầy đủ theo quy định thì thực hiện theo trình tự sau:

a) Trình lãnh đạo có thẩm quyền duyệt kế hoạch hoặc lịch kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;

b) Thông báo cho đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy kế hoạch hoặc lịch đăng kiểm để bố trí phương tiện và cán bộ có chuyên môn kỹ thuật phối hợp thực hiện;

c) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và các trang thiết bị đăng kiểm hỗ trợ; phối hợp đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy thực hiện kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy;

d) Tiến hành kiểm tra thực tế các hạng mục theo quy định tại Phụ lục I và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà phương tiện thủy phải áp dụng;

đ) Lập biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;

e) Hoàn tất thủ tục đăng kiểm trình cấp có thẩm quyền duyệt, ký các giấy tờ về đăng kiểm phương tiện thủy theo quy định;

g) Bàn giao các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư này cho đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy;

h) Bàn giao cho cán bộ có nhiệm vụ lưu trữ các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này.

2. Phương tiện thủy sau khi kiểm tra đủ điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định được cơ quan đăng kiểm cấp:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy;

b) Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy (trừ phương tiện là mô tô nước hoặc các kết cấu tương tự mô tô nước) đối với đăng kiểm lần đầu.

3. Phương tiện thủy sau khi kiểm tra không đủ điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì cán bộ đăng kiểm lập, ký xác nhận biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy và đề nghị thủ trưởng cơ quan quản lý, sử dụng phương tiện thủy sửa chữa, bảo dưỡng, khắc phục các hạng mục kiểm tra không đạt trước khi cơ quan đăng kiểm tiến hành kiểm tra lại.

Điều 22. Giải quyết một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp phương tiện thủy máy chính lắp ngoài khi thay thế máy chính có cùng công suất thì hồ sơ đăng kiểm duy trì cấp gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này;

b) Quyết định hoặc phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc thay thế máy chính.

2. Trường hợp phương tiện thủy đã lên đà kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa nhưng không trùng thời gian đăng kiểm trên đà; khi đến thời hạn đăng kiểm, đơn

vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy cung cấp biên bản tự kiểm tra, khảo sát, bảo dưỡng, nghiệm thu sửa chữa các nội dung kiểm tra trên đà theo quy định tại Phụ lục I thì được miễn kiểm tra trên đà. Cơ quan đăng kiểm áp dụng các hạng mục kiểm tra hàng năm để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy.

3. Phương tiện thủy đóng mới, hoán cải có kiểm tra, giám sát kỹ thuật của cơ quan đăng kiểm ngoài Bộ Công an sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an mà đã có số kiểm soát do cơ quan đăng kiểm ngoài ngành Công an cấp thì được sử dụng số kiểm soát đó; trường hợp chưa có số kiểm soát do cơ quan đăng kiểm ngoài ngành Công an cấp thì cơ quan đăng kiểm tiếp nhận, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông để được cấp số kiểm soát. Hồ sơ kỹ thuật đăng kiểm lần đầu của phương tiện thủy gồm các tài liệu do cơ quan đăng kiểm ngoài Bộ Công an cấp:

a) Hồ sơ thiết kế được duyệt của phương tiện thủy;

b) Các biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật xuất xưởng;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy (nếu có);

d) Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy (nếu có).

4. Trường hợp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy do cơ quan đăng kiểm ngoài Bộ Công an cấp còn thời hạn sử dụng, thỏa mãn các quy định của Bộ Công an thì được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn được ghi trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy.

5. Trường hợp phương tiện thủy đã đóng sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an, trong thời gian hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, cơ quan đăng kiểm quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 18 Thông tư này căn cứ đề nghị của đơn vị quản lý, sử dụng để cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy tạm thời (đăng kiểm tạm thời) mà không cần kiểm tra. Thời hạn của Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy cấp tạm thời là 6 tháng; vùng hoạt động tối đa là SI và hạn chế hoạt động khi thời tiết xấu; hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đăng kiểm tạm thời (nội dung công văn phải ghi đầy đủ các thông số kỹ thuật của phương tiện thủy để in Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy);

b) Bản phô tô Quyết định trang cấp (kèm bản chính để đối chiếu).

6. Phương tiện thủy phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng đã đóng, sử dụng tại nước ngoài, sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an mà có hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đã được cơ quan đăng kiểm nước ngoài thẩm định; hồ sơ gồm:

a) Bản phô tô Quyết định trang cấp (kèm bản chính để đối chiếu);

b) Hồ sơ xác định tuổi của phương tiện thủy (nếu đủ điều kiện xác định);

c) Hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn bản dịch thuật (kèm hồ sơ thiết kế hoặc tài liệu hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài để đối chiếu);

d) Biên bản khảo sát các hạng mục kỹ thuật cơ bản của phương tiện như: độ dày tôn vỏ, kích thước chính, công suất máy chính.

7. Phương tiện thủy phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng đã đóng, sử dụng tại nước ngoài, sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an mà hồ sơ thiết kế (kể cả thiết kế lập hồ sơ) cần bảo đảm yếu tố bí mật, yêu cầu nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân thì hồ sơ gồm:

a) Bản phô tô Quyết định trang cấp (kèm bản chính để đối chiếu);

b) Hồ sơ xác định tuổi của phương tiện thủy (nếu đủ điều kiện xác định);

c) Hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn do đơn vị có chức năng thiết kế, lập hồ sơ thiết kế trong Công an nhân dân thực hiện và thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này. Trường hợp các đơn vị chức năng trong Công an nhân dân không đáp ứng được yêu cầu về năng lực thì cơ quan đăng kiểm theo quy định tại Điều 18 Thông tư này phối hợp đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy để khảo sát, lập biên bản, thống nhất các thông tin trong Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy để phục vụ công tác đăng kiểm, đăng ký phương tiện thủy. Căn cứ tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản này, các tài liệu khác có liên quan đến phương tiện thủy do đơn vị bàn giao cung cấp và kết quả khảo sát của cơ quan đăng kiểm, nếu không xác nhận được thông số kỹ thuật trong Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy thì bỏ trống thông tin đó.

8. Mô tô nước và các kết cấu tương tự mô tô nước có nguồn gốc nhập khẩu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an trang cấp phục vụ công tác của lực lượng, hồ sơ gồm:

a) Bản phô tô Quyết định trang cấp có ghi cụ thể công dụng, mục đích sử dụng của phương tiện thủy (kèm bản chính để đối chiếu);

b) Các tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện thủy hoặc tài liệu kỹ thuật khác đủ để xác định các thông số kỹ thuật cơ bản của phương tiện thủy.

9. Trường hợp phương tiện thủy đã đóng sau đó được chuyển giao cho Bộ Công an, khi thực hiện đăng kiểm lần đầu mà không tìm thấy số máy chính thì cơ quan đăng kiểm căn cứ vào văn bản đề nghị đóng lại số máy của đơn vị quản lý, sử dụng để thực hiện đóng số máy chính theo số kiểm soát.

Điều 23. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy

1. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy bị hỏng, in sai thông tin thì được cấp đổi, hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy của đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy đã cấp.

2. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy bị mất thì được cấp lại, hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy (trong đó nêu rõ lý do bị mất) của đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy;

b) Bản phô tô biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy lần gần nhất.

Điều 24. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy

1. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy và Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời hạn đổi, cấp lại Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy và sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 25. Thời hạn đăng kiểm, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy

1. Thời hạn đăng kiểm được quy định như sau :

a) Đăng kiểm trên đà: thời hạn 01 năm một lần đối với phương tiện thủy vỏ gỗ; 2,5 năm một lần đối với tất cả các phương tiện thủy còn lại, trong thời hạn 05 năm các phương tiện thủy không phải vỏ gỗ phải thực hiện đăng kiểm trên đà hai lần, một trong hai lần phải trùng với đợt đăng kiểm định kỳ và khoảng cách tối đa giữa hai lần đăng kiểm trên đà không quá 03 năm;

b) Đăng kiểm định kỳ: thời hạn giữa hai lần đăng kiểm định kỳ là 05 năm.

2. Thời hạn Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy cấp cho phương tiện thủy đóng mới được thẩm định thiết kế theo quy định tại Thông tư này (trừ phương tiện thủy quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Đăng kiểm lần đầu: thời hạn là 36 tháng;

b) Đăng kiểm lần thứ hai: thời hạn là 24 tháng;

c) Đăng kiểm các lần tiếp theo: thời hạn là 12 tháng.

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật vào bảo vệ môi trường đối với phương tiện thủy đã đóng mới, đã qua sử dụng sau đó được chuyển giao cho lực lượng Công an nhân dân hoặc phương tiện thủy nhập khẩu hoặc phương tiện thủy vỏ gỗ là 12 tháng.

Điều 26. Quản lý hồ sơ đăng kiểm

1. Cơ quan đăng kiểm lưu những giấy tờ sau để quản lý, theo dõi:

a) Biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;

b) Công văn đề nghị cấp lại, đổi Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;

c) Bản phô tô biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy;

d) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy bị hỏng đã được đổi lại.

2. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy chịu trách nhiệm quản lý:

a) Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện thủy;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy;

c) Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy;

d) Biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy.

3. Hồ sơ đăng kiểm phương tiện thủy được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý, sử dụng hồ sơ, tài liệu trong Công an nhân dân.

Chương IV
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 27. Cơ quan đăng ký phương tiện thủy

1. Cục Cảnh sát giao thông thực hiện đăng ký, cấp Giấy đăng ký phương tiện thủy Công an nhân dân (sau đây viết gọn là Giấy đăng ký phương tiện thủy) của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an.

2. Phòng Cảnh sát giao thông thực hiện đăng ký, cấp Giấy đăng ký phương tiện thủy của các đơn vị thuộc Công an tỉnh, thành phố.

Điều 28. Hồ sơ đăng ký phương tiện thủy

1. Giấy khai đăng ký phương tiện thủy (xuất trình Căn cước, Căn cước công dân hoặc Chứng minh Công an nhân dân của cán bộ khi đến làm thủ tục đăng ký phương tiện thủy).

2. Giấy tờ của phương tiện thủy, gồm:

a) Tài liệu chứng minh nguồn gốc của phương tiện thủy có một trong các giấy tờ sau: quyết định điều động, trang cấp hoặc hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc biên bản thanh lý hoặc biên bản bán đấu giá phương tiện thủy;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy đối với phương tiện thủy thuộc diện phải đăng kiểm;

c) Trường hợp tài liệu quy định tại điểm a Khoản này bị mất, thất lạc phải có biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy, ghi rõ lý do và tài liệu thất lạc, mất có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố được giao quản lý, sử dụng phương tiện thủy.

3. 02 ảnh màu kích thước 10cm x 15cm chụp toàn cảnh mạn phải theo hướng từ lái về mũi của phương tiện thủy ở trạng thái nổi (sau đây viết gọn là ảnh phương tiện thủy).

Điều 29. Cấp đổi, cấp lại Giấy đăng ký phương tiện thủy

1. Trường hợp thay đổi đơn vị quản lý, sử dụng hoặc phương tiện thủy hoán cải hoặc thay đổi thông tin, in sai thông tin trên Giấy đăng ký phương tiện thủy hoặc Giấy đăng ký phương tiện thủy bị hỏng không sử dụng được thì được cấp đổi; hồ sơ gồm:

a) Giấy tờ, tài liệu quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 28 Thông tư này (trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này);

b) Giấy đăng ký phương tiện thủy đã cấp;

c) Bản phô tô quyết định điều động phương tiện thủy của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp thay đổi đơn vị quản lý, sử dụng);

d) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy (đối với trường hợp phương tiện thủy hoán cải hoặc thay đổi thông tin).

đ) Công văn đề nghị cấp đổi Giấy đăng ký phương tiện thủy (đối với trường hợp in sai thông tin).

2. Giấy đăng ký phương tiện thủy bị mất thì được cấp lại; hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký phương tiện thủy;

b) Giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 28 Thông tư này.

Điều 30. Trình tự thực hiện đăng ký phương tiện thủy

Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy lập hồ sơ đề nghị đăng ký theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Thông tư này, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan cấp Giấy đăng ký phương tiện thủy. Cán bộ làm nhiệm vụ đăng ký phương tiện thủy tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký. Nếu hồ sơ đăng ký phương tiện thủy chưa hợp lệ thì hướng dẫn đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy bổ sung hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đăng ký phương tiện thủy đầy đủ theo quy định thì thực hiện theo trình tự sau:

1. Kiểm tra đối chiếu các thông số kỹ thuật của phương tiện thủy trong hồ sơ đăng ký.

2. Cấp số đăng ký và tiến hành hoàn tất thủ tục đăng ký, trình cấp có thẩm quyền duyệt, ký các giấy tờ về đăng ký phương tiện thủy theo quy định.

3. Dán 01 ảnh phương tiện thủy vào mặt sau Giấy đăng ký phương tiện thủy; bàn giao các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư này cho đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy và vào sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy.

4. Bàn giao cho cán bộ có nhiệm vụ lưu trữ các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 34 Thông tư này, cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Giấy đăng ký phương tiện thủy không còn giá trị sử dụng.

5. Trường hợp phương tiện thủy thay đổi đơn vị đăng ký thì sau khi cấp Giấy đăng ký phương tiện thủy, cơ quan đăng ký thuộc Công an nhân dân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đã cấp Giấy đăng ký phương tiện thủy trước đó biết.

Điều 31. Tên, biển hiệu và biển số đăng ký phương tiện thủy

1. Tên, biển hiệu phương tiện thủy

a) Tên phương tiện thủy phải phù hợp các quy định của pháp luật. Đơn vị quản lý, sử dụng muốn đặt tên phương tiện thủy phải có công văn đề nghị về việc đặt tên phương tiện thủy và được Cục Cảnh sát giao thông chấp thuận, tên phương tiện thủy không trùng với tên các phương tiện thủy khác và được bố trí ở phía trước cabin lái của phương tiện thủy;

b) Biển hiệu được sơn hoặc gắn trực tiếp lên phương tiện thủy tại hai vị trí: bên phải và bên trái cabin lái hoặc mạn phương tiện thủy. Biển hiệu phương tiện thủy kết cấu hai hàng, hàng trên ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp của đơn vị quản lý, sử dụng; hàng dưới ghi tên đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy. Trường hợp không ghi được hai hàng thì ghi một hàng tên của đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy;

c) Kích thước, màu sắc, nét chữ và nền tên, biển hiệu phương tiện thủy phải tương ứng kích thước, màu sắc, nét chữ, nền của biển số.

2. Biển số đăng ký phương tiện thủy

a) Kích thước chữ, số và nền của biển số được quy định như sau:

Chiều cao chữ và số tối thiểu: 150 mm;

Chiều rộng chữ và số tối thiểu: 70 mm;

Chiều rộng nét chữ và số tối thiểu: 25 mm;

Khoảng cách giữa các chữ, số tối thiểu: 20 mm;

Khoảng cách từ các cạnh của nền biển số đến các chữ hoặc số gần nhất bằng 02 lần nét chữ.

b) Kết cấu biển số đăng ký

CA ab – cdef

Nhóm chữ cái ab: ký hiệu địa phương quản lý, sử dụng phương tiện thủy quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Nhóm chữ cái cdef: ký hiệu số đăng ký, ghi đủ 04 số tự nhiên từ 0001 đến 9999.

c) Biển số đăng ký phải được sơn hoặc gắn trực tiếp lên phương tiện thủy, nền biển số màu xanh, chữ và số màu trắng. Biển số đăng ký được bố trí tại các vị trí, gồm: bên phải, bên trái, phía trước cabin lái, hai bên mạn phía mũi phương tiện thủy. Trường hợp phương tiện thủy có kích thước đặc biệt thì biển số có thể bố trí

ở vị trí phù hợp nhưng tối thiểu phải có đủ 02 vị trí tại hai bên mạn phía mũi phương tiện thủy hoặc bên trái, bên phải cabin lái.

3. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy có trách nhiệm sơn hoặc gắn tên, biển hiệu và biển số theo quy định của Thông tư này.

Điều 32. Thời hạn giải quyết đăng ký phương tiện thủy

Thời hạn cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy đăng ký phương tiện thủy không quá 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 33. Thu hồi Giấy đăng ký phương tiện thủy và xóa tên trong sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy

1. Các trường hợp phải thu hồi giấy đăng ký phương tiện thủy và xóa tên trong sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy

a) Phương tiện thủy hỏng không sử dụng được hoặc bị phá hủy;

b) Phương tiện thủy đã thanh lý;

c) Phương tiện thủy bị mất hoặc chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức ngoài ngành Công an;

d) Phương tiện thủy thay đổi đơn vị đăng ký.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phương tiện thủy có sự thay đổi được quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy có công văn đề nghị thu hồi và nộp lại Giấy đăng ký phương tiện thủy và các loại giấy tờ đã cấp cho phương tiện thủy cho cơ quan đăng ký theo quy định tại Điều 27 Thông tư này để làm thủ tục xoá tên trong sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy.

Điều 34. Quản lý hồ sơ đăng ký

1. Hồ sơ đăng ký phương tiện thủy lưu tại cơ quan đăng ký gồm:

a) Giấy khai đăng ký phương tiện thủy ;

b) Bản phô tô giấy tờ của phương tiện thủy;

c) 01 ảnh phương tiện thủy;

d) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy đăng ký phương tiện thủy;

đ) Bản phô tô biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy;

e) Giấy đăng ký phương tiện thủy được thu hồi;

g) Sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy.

2. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy chịu trách nhiệm quản lý các giấy tờ sau:

a) Giấy đăng ký phương tiện thủy;

b) Giấy tờ của phương tiện thủy;

c) Biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện thủy (nếu có);

d) Các Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy đã cấp;

đ) Văn bản thay đổi phiên hiệu, sáp nhập đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy hoặc đổi tên phương tiện thủy của cấp có thẩm quyền (nếu có).

3. Hồ sơ đăng ký phương tiện thủy được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý, sử dụng hồ sơ, tài liệu trong Công an nhân dân.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, THI CÔNG ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI VÀ ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 35. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát giao thông

1. Kiểm tra, hướng dẫn Công an các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố, đơn vị nhập khẩu, thiết kế, thi công phương tiện thủy và tổ chức đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân theo quy định.

2. Quản lý chất lượng về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy của lực lượng Công an nhân dân theo quy định tại Thông tư này. Tổ chức kiểm tra hồ sơ, thủ tục và thực tế phương tiện thủy, cấp các loại giấy tờ liên quan đến công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân theo quy định tại Thông tư này.

3. Thực hiện triển khai việc số hóa hồ sơ về phương tiện thủy khi bảo đảm về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật.

4. Tổng hợp kết quả, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; báo cáo lãnh đạo Bộ Công an giải quyết những trường hợp cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 36. Trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương

1. Hướng dẫn Công an các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh, thành phố, đơn vị nhập khẩu, thiết kế, thi công trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước Bộ Công an về việc lựa chọn đơn vị nhập khẩu, thiết kế, thi công theo quy định tại Thông tư này, các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Chỉ đạo, bố trí cán bộ đăng ký, đăng kiểm có đủ tiêu chuẩn thực hiện đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy theo quy định.

5. Thực hiện triển khai việc số hóa hồ sơ về phương tiện thủy khi bảo đảm về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật.

6. Tham mưu, đề xuất Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong nhập khẩu, thiết kế, thi công và đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy.

Điều 37. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện thủy

1. Trước khi thực hiện đăng kiểm, đơn vị quản lý, sử dụng phải kiểm tra, bảo dưỡng và chủ động sửa chữa theo các hạng mục quy định Phụ lục I và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà phương tiện thủy phải áp dụng và quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp bán, thanh lý phương tiện thủy ra khỏi biên chế tài sản trong Công an nhân dân, đơn vị quản lý, sử dụng phải thu hồi Giấy đăng ký phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy và nộp lại cho cơ quan đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với việc đưa phương tiện thủy không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường vào hoạt động.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2025.

2. Thông tư số 47/2016/TT-BCA ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân (sau đây viết gọn là Thông tư số 47/2016/TT-BCA) hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 39. Quy định chuyển tiếp

1. Phương tiện thủy đang thi công đóng mới, hoán cải trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 47/2016/TT-BCA.

2. Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật phương tiện thủy Công an nhân dân đã cấp theo quy định tại Thông tư số 47/2016/TT-BCA thì vẫn có giá trị sử dụng.

3. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy Công an nhân dân đã cấp theo quy định tại Thông tư số 47/2016/TT-BCA thì được sử dụng đến hết hạn sử dụng.

4. Đối với các biểu mẫu đã in theo quy định tại Thông tư số 47/2016/TT-BCA thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

5. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy, Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy, Giấy đăng ký phương tiện thủy được triển khai trực tuyến khi bảo đảm điều kiện về hạ tầng kỹ thuật.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm triển khai thi hành Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

Phụ lục I

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA ngày 23/9/2025*)

I. Kiểm tra trong đóng mới, hoán cải

1. Hạng mục kiểm tra trong đóng mới, hoán cải thân phương tiện và trang thiết bị

TT	Hạng mục kiểm tra	Nội dung kiểm tra
I	**Thân phương tiện**	
1.1	Kiểm tra tuyến hình	- Kiểm tra phóng dạng.
1.2	Kiểm tra vật liệu, gia công chi tiết và cụm chi tiết	- Kiểm tra sự phù hợp của vật liệu thực tế với giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm hoặc nhà chế tạo cấp và thiết kế phương tiện được duyệt theo quy định. - Kiểm tra chọn lọc chi tiết.
1.3	Kiểm tra lắp ráp	- Kiểm tra lắp ráp các loại phân đoạn, cụm chi tiết hoặc lắp trực tiếp trên triền. - Kiểm tra lắp ráp khung xương. - Kiểm tra lắp ráp tôn bao, tấm vỏ bao. - Kiểm tra lắp ráp tổng đoạn. - Kiểm tra lắp ráp tổng thành thân phương tiện.
1.4	Kiểm tra hàn	- Kiểm tra quy trình hàn. - Kiểm tra chứng chỉ thợ hàn. - Kiểm tra bên ngoài đường hàn. - Kiểm tra bên trong đường hàn.
1.5	Kiểm tra thử kín	- Thử kín nước hoặc dầu các két chứa, cửa kín nước và vách ngăn, các hộp van thông sông.
1.6	Kiểm tra hạ thủy	- Kiểm tra các kích thước cơ bản phương tiện. - Kiểm tra thước nước, dấu mạn khô. - Kiểm tra lắp ráp các thiết bị lái, đạo lưu, thiết bị đẩy, lỗ thoát nước đáy, mạn phương tiện.
1.7	Thử nghiêng	- Kiểm tra điều kiện thử, vật dằn, thiết bị đo. - Quy trình thử nghiêng.

TT	Hạng mục kiểm tra	Nội dung kiểm tra
		- Xác nhận kết quả thử và xử lý kết quả thử nghiêng.
1.8	Thử tại bến	- Quy trình thử tại bến. - Thử hoạt động của các thiết bị lái, neo, thiết bị chằng buộc, máy chính, các bơm, trang bị âm, tín hiệu và chống cháy.
1.9	Thử đường dài	- Quy trình thử phương tiện chạy đường dài. - Thử tốc độ, quán tính, quay vòng, hệ thống lái chính, lái dự phòng, thiết bị và các máy, neo, xích neo và các hệ thống đường ống.
1.10	Kiểm tra nghiệm thu xuất xưởng	- Kiểm tra tổng thể.
II	**Thiết bị**	
2.1	Kiểm tra hệ thống neo	- Kiểm tra sự phù hợp của xích neo, neo, máy neo thực tế với GCN do cơ quan đăng kiểm hoặc nhà chế tạo cấp và thiết kế được duyệt theo quy định. - Kiểm tra lắp đặt lên phương tiện.
2.2	Kiểm tra hệ thống lái	- Kiểm tra máy lái: Sự phù hợp máy lái thực tế với GCN do cơ quan đăng kiểm hoặc nhà chế tạo cung cấp và thiết kế được duyệt theo quy định. - Kiểm tra vật liệu, các kích thước trục lái và lắp ráp toàn bộ hệ thống lái chính và lái dự phòng. - Kiểm tra độ chính xác của các thiết bị chỉ báo góc lái, hệ thống hạn chế góc lái.
2.3	Kiểm tra thiết bị chằng buộc	- Kiểm tra số lượng cọc bích, chiều dài và đường kính của dây buộc. - Kiểm tra các cọc bích, sôma với thân phương tiện.
2.4	Kiểm tra thiết bị lai, kéo	- Kiểm tra móc kéo, dây kéo: sự phù hợp của móc kéo thực tế với các GCN do cơ quan đăng kiểm cấp và thiết kế phương tiện được duyệt quy định

TT	Hạng mục kiểm tra	Nội dung kiểm tra
		- Kiểm tra sự cố định và bố trí móc kéo, bích lai với thân phương tiện. - Kiểm tra chiều dài dây kéo.
2.5	Kiểm tra thiết bị cứu sinh	- Kiểm tra dụng cụ nổi, phao tròn, phao áo: sự phù hợp của thiết bị cứu sinh.
2.6	Kiểm tra thiết bị cứu hỏa	- Kiểm tra sự phù hợp của các trang thiết bị cứu hoả với GCN do cơ quan đăng kiểm hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và thiết kế được duyệt. - Kiểm tra số lượng, sự bố trí các thiết bị báo cháy, hệ thống chữa cháy cố định, các bình bọt, các bơm, họng, vòi rồng, thùng cát và các trang bị khác đã nêu trong thiết kế phương tiện được duyệt.
2.7	Kiểm tra thiết bị cứu đắm	- Kiểm tra sự bố trí và nơi để thiết bị cứu đắm như: vị trí của các giếng hút khô theo thiết kế, các trang bị bạt, gỗ bịt thủng.
2.8	Kiểm tra thiết bị tín hiệu	- Kiểm tra số lượng và chất lượng thiết bị tín hiệu theo thiết kế phương tiện được duyệt. - Kiểm tra việc bố trí các đèn. - Số lượng âm hiệu, vật hiệu, thử hoạt động hệ thống.

2. Hạng mục kiểm tra trong đóng mới, hoán cải phần máy - điện

TT	Hạng mục kiểm tra	Nội dung kiểm tra
I	**Máy**	
1.1	Máy chính và các máy phụ	- Kiểm tra sự phù hợp của các máy chính, máy phụ thực tế với GCN do cơ quan đăng kiểm cấp và thiết kế phương tiện được duyệt. - Giám sát lắp đặt máy chính, máy phụ xuống phương tiện. - Thử hoạt động các máy tại bến và đường dài.

TT	Hạng mục kiểm tra	Nội dung kiểm tra
I	**Máy**	
1.2	Hệ trục chân vịt	- Kiểm tra sự phù hợp trục chân vịt, trục trung gian, trục lực đẩy, các khớp nối, ổ đỡ... với hồ sơ thiết kế kỹ thuật. - Giám sát lắp ráp hệ trục. - Thử hoạt động và nghiệm thu hệ trục.
1.3	Các hệ thống và đường ống	- Kiểm tra sự phù hợp của các ống và bích nối, các phụ kiện đường ống với thiết kế phương tiện được duyệt. - Kiểm tra nghiệm thu uốn ống và hàn các bích nối. - Kiểm tra thử áp lực nước các đoạn ống trên phân xưởng trước khi lắp đặt ống xuống phương tiện. - Kiểm tra lắp đặt ống xuống phương tiện. - Thử áp lực nước các hệ thống. - Thử hoạt động các hệ thống.
1.4	Các thiết bị trao nhiệt, bình chịu áp lực	- Kiểm tra các thiết bị trao nhiệt và bình chịu áp lực thực tế với GCN do cơ quan đăng kiểm cấp và thiết kế phương tiện được duyệt. - Kiểm tra bên trong, bên ngoài các thiết bị. - Thử áp lực nước (nếu cần). - Kiểm tra lắp đặt các thiết bị xuống phương tiện. - Thử hoạt động các thiết bị và kẹp chì van an toàn.
II	**Điện**	
	Hệ thống điện và trang bị thông tin liên lạc.	- Kiểm tra sự phù hợp các máy điện với thiết kế phương tiện đã duyệt. - Kiểm tra lắp đặt các thiết bị điện, trang bị thông tin liên lạc. - Thử hoạt động hệ thống điện, trang bị thông tin liên lạc khi thử phương tiện tại bến và đường dài.

II. Hạng mục kiểm tra định kỳ, hàng năm, trên đà của phương tiện

TT	Đối tượng kiểm tra	Kiểm tra chu kỳ		
I	**Thân phương tiện** Phần tổng thể: xác định lại kích thước cơ bản của phương tiện; xác định các thay đổi trong bố trí chung phương tiện; xem xét các yếu tố liên quan đến sự thay đổi khả năng khai thác của phương tiện.	**Định kỳ**	**Hàng năm**	**Trên đà**
1	Phần ngâm nước			
1.1	Sống mũi, sống đuôi, vây giảm lắc, giá chữ nhân (1).	K,Đ		K,Đ
1.2	Vỏ bao (1).	K,A		K,A
1.3	Bánh lái, đạo lưu quay.			
	- Tôn bao bánh lái. - Trục lái, chốt, ổ đỡ.	K,Đ K, Đ, T	 T	K,Đ K,Đ
1.4	Chân vịt	K,Đ	T	K,Đ
1.5	Hộp van thông sông (1)	K,A		K,Đ
1.6	Nút xả, tấm kẽm	K,H		K,H
2	Phần khô			
2.1	Sống mũi, sống đuôi	N,K	N	
2.2	Vỏ bao (1)	K,Đ	N	
2.3	Mạn chắn sóng, lan can	N,K	N	
2.4	Cơ cấu thân phương tiện (2)	K,Đ	N	
2.5	Thượng tầng, thông gió (2)	K,Đ	N	
2.6	Bệ đỡ các tời, máy và trang thiết bị trên boong	K	N	
2.7	Các két nước, két dầu (1)	K, Đ, A	N	
2.8	Hầm xích, khoang cách ly, khoang trống (2)	N, K, Đ	N	
II	**Thiết bị**			
2.1	Các cột bích, cột kéo (2)	K,Đ	N	
2.2	Nắp đậy các loại, kể cả cửa kín nước, nắp hầm (2)	K, A, T	N,T	

TT	Đối tượng kiểm tra	Kiểm tra chu kỳ		
2.3	Hệ thống lái - Truyền động lái chính, lái phụ. - Thiết bị hạn chế góc quay.	 K, T N	 T N	
2.4	Thiết bị neo - Máy neo. - Neo và lỗ luồn neo. - Xích, cáp neo. - Hãm xích neo.	 K, T N K, Đ K,T	 T N N N	
2.5	Thiết bị chằng buộc: xôma, cọc bích.	N	N	
2.6	Thiết bị lai, kéo - Móc kéo và cơ cấu cố định, dây kéo. - Cung kéo, thiết bị giới hạn dây kéo; cột kéo.	 K, T K K	 K N N	
2.7	Trang bị cứu đắm	N	N	
2.8	Trang bị chữa cháy	K, T	N	
2.9	Trang bị đèn, vật hiệu	K, T	N, T	
2.10	Trang bị cứu sinh	K, H	N, H	
III	**Thiết bị động lực**			
3.1	Động cơ đốt trong lai chân vịt		N,T	K, T, H
3.2	Hộp số		N,T	K, T, H
3.3	Hệ trục		N, T	K, Đ, T
3.4	Chân vịt		T	K, T
3.5	Các loại bích và khớp nối		N, T	K
3.6	Các hệ thống đường ống, bơm		N, T	K
3.7	Phụ tùng đáy, mạn phương tiện		N, T	K, A
IV	**Thiết bị điện**			
4.1	Các nguồn điện		N, T	K, Đ, T
4.2	Bảng điện		N, T	K, Đ, T
4.3	Dây điện		N, T	K, T
4.4	Các bộ tiêu thụ điện		N, T	K, T
4.5	Đèn tín hiệu, chiếu sáng		N, T	K, T

Chú thích:

K - Kiểm tra xem xét phát hiện khuyết tật, nếu cần tháo ra để kiểm tra.

Đ - Đo độ mòn khe hở.

N - Kiểm tra xem xét bên ngoài.

T - Thử hoạt động.

A - Thử áp lực nước.

H - Kiểm tra hồ sơ.

(1) - Chỉ đo khi kiểm tra định kỳ. Khi kiểm tra trên đà, nếu nghi ngờ thì tiến hành đo đạc, kiểm tra.

(2) - Chỉ đo khi thấy có nghi ngờ.

III. Đánh giá trạng thái ATKT và BVMT phương tiện thủy CAND

1. Đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện bao gồm việc đánh giá các bộ phận sau: Thân phương tiện; hệ thống động lực; hệ thống điện; trang thiết bị.

2. Trạng thái chung của phương tiện được đánh giá theo trạng thái xấu nhất của các bộ phận được đánh giá.

3. Phương tiện được đánh giá theo các mức: Thỏa mãn; hạn chế hoạt động; không thỏa mãn.

- Trạng thái thoả mãn: Phương tiện đủ điều kiện ATKT và BVMT.

- Trạng thái hạn chế hoạt động: Phương tiện được phép hoạt động nhưng phải áp dụng một hoặc nhiều các hạn chế sau:

+ Tăng chiều cao mạn khô;

+ Hạn chế về chế độ sóng, gió;

+ Hạn chế về sức chở người và lượng chở hàng;

+ Hạn chế vùng hoạt động;

+ Rút ngắn thời gian kiểm tra lần sau.

- Trạng thái không thoả mãn: Phương tiện không đảm bảo ATKT và BVMT.

Phụ lục II
KÝ HIỆU CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN THỦY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA ngày 23/9/2025)

TT	Tên đơn vị, địa phương	Ký hiệu
1	An Giang	67, 68
2	Bắc Ninh	98, 99
3	Cà Mau	69, 94
4	Cần Thơ	65, 83, 95
5	Cao Bằng	11
6	Đà Nẵng	43, 92
7	Đắk Lắk	47, 78
8	Điện Biên	27
9	Đồng Nai	60, 93
10	Đồng Tháp	63, 66
11	Gia Lai	77, 81
12	Hà Nội	29
13	Hà Tĩnh	38
14	Hải Phòng	16, 34
15	Hưng Yên	17, 89
16	Khánh Hòa	79, 85
17	Lai Châu	25
18	Lâm Đồng	48, 49, 86
19	Lạng Sơn	12
20	Lào Cai	21, 24
21	Nghệ An	37
22	Ninh Bình	18, 35, 90
23	Phú Thọ	19, 28, 88
24	Quảng Ngãi	76, 82
25	Quảng Ninh	14
26	Quảng Trị	73, 74
27	Sơn La	26
28	Tây Ninh	62, 70
29	Thái Nguyên	20, 97
30	Thanh Hóa	36
31	Huế	75
32	TP Hồ Chí Minh	50, 61, 72
33	Tuyên Quang	22, 23
34	Vĩnh Long	64, 71, 84
35	Cục Cảnh sát giao thông	80

Mẫu ĐK1
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY CAND

A. PHẦN TỰ KÊ KHAI CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN THỦY

Đơn vị quản lý, sử dụng:…….....…….....

Địa chỉ:…….....….....

Họ tên cán bộ kê khai đăng ký:.....

Cấp bậc:…….....……; Chức vụ:…….....

CC/CCCD/CMCAND số:.....; Ngày cấp/đơn vị cấp:…….....

Tên phương tiện:……; Công dụng...……..…….....

Vật liệu vỏ:.....; Số hiệu thiết kế:.....; Số máy chính:.....

Năm sản xuất:.....; Tại:.....; Năm hạ thủy:.....

Kích thước L x B x D x d:..... m; Lmax x Bmax:..... m;

Số lượng, kiểu máy chính:.....…….....…; Tổng công xuất máy chính:…..... HP;

Sức chở người:..... người; Lượng chở hàng:..... tấn

Lý do: Cấp, đổi lại giấy đăng ký:.....

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ đăng ký phương tiện thủy.

....., ngày..... tháng..... năm.....

CÁN BỘ KÊ KHAI	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QLSD**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY

SỐ ĐĂNG KÝ CŨ:..... ; SỐ ĐĂNG KÝ MỚI:.....

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY

TT	LOẠI CHỨNG TỪ	CƠ QUAN CẤP	SỐ CHỨNG TỪ	NGÀY CẤP

……, ngày ….tháng ….. năm.....

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ	.....(*).....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: - *(*) Cấp Bộ ghi: Trưởng phòng; cấp tỉnh ghi: Đội trưởng;*

- Kích thước khổ giấy tiêu chuẩn A4. Giấy màu trắng, nội dung in màu đen, chất liệu giấy 70g-90g/m^2.

Mẫu ĐK2
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 91/9/2025 của Bộ Công an

……(1)……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
…… **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN
Số:…… (2)…….

Tên phương tiện: ……..... (3)……..……..…...……..

Số hiệu thiết kế:…….....…….; Công dụng:……..... (4)……...….....

Đơn vị quản lý phương tiện:….....…….…….…….....…....

Sản xuất năm:…..…..... tại: ……..……..…..; Hạ thủy năm:....…...……...

Kích thước L x B x D x d:….....….....…….……..…….…… m;

Lmax x Bmax: ……m; Mạn khô…….....…...…….……..... mm;

Vật liệu vỏ:…….....; Tổng công suất máy chính.....:…....……..…… HP;

Số lượng, kiểu máy chính:……..….....……; Số máy:.....…….....……

Sức chở người:….....……..…..…. người; Lượng chở hàng:...……..…..……..... tấn

CHỨNG NHẬN

Phương tiện trên đã được đăng ký vào Sổ theo dõi đăng ký phương tiện thủy Công an nhân dân.

Đơn vị đăng ký:.....……..…….....

Số đăng ký:….....…….….…….....

Vùng hoạt động phương tiện:……(5)…..…….….…….....

……, ngày……. tháng…....năm……..

……..(6)……..

Ghi chú:

- Kích thước Giấy đăng ký phương tiện thủy Công an nhân dân: 13cm x 19cm. Nền in chìm hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển, chính giữa in chìm hình Công an hiệu. Dòng chữ "Đăng ký phương tiện thủy Công an nhân dân" in màu đỏ cờ, các nội dung còn lại in màu đen. Chất liệu: giấy 230g/m^2.

- (1): Tên đơn vị đăng ký.

- (2): Kết cấu gồm 3 phần: Số thứ tự, ký hiệu địa phương quản lý, sử dụng phương tiện thủy trước chữ "ĐK" và 02 chữ số cuối của năm đăng ký; giữa mỗi phần có dấu "/"; ví dụ: Phương tiện thủy do Công an tỉnh Ninh Bình đăng ký năm 2025 ghi là ..../35ĐK/25.

- (3): Nếu phương tiện thủy chưa đặt tên thì ghi theo chủng loại phương tiện thủy; ví dụ:"tàu tuần tra", "xuồng máy",...

- (4): Ghi công dụng của phương tiện thủy, ví dụ: Tuần tra kiểm soát; phòng cháy, chữa cháy;....

- (5): Do cơ quan đăng kiểm quy định.

- (6): Chức vụ của người ký.

Mẫu ĐK3
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

…..……(1)…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….……. Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN
Số:……. (2)…..….

Tên phương tiện:……... (3)……; Số đăng ký: …….…….....….…….

Số hiệu thiết kế:…….……..…; Công dụng:…….. (4)….....…….…….…….…

Đơn vị quản lý phương tiện:.....….…….…….……..…....

Sản xuất năm:……..tại:…….....……..; Hạ thủy năm:….....…...…..

Kích thước L x B x D x d:……...…..……..….....….…… m;

Lmax x Bmax:……..…… m; Mạn khô F:…….....…… mm;

Vật liệu vỏ:……...……..; Tổng công suất máy chính:……....….....…..… HP;

Số lượng, kiểu máy chính:……..……; Số máy:…….....….....……...

Căn cứ Biên bản kiểm tra kỹ thuật số:…….....…; Ngày……/……/……..….

CHỨNG NHẬN

Phương tiện trên có đặc tính kỹ thuật được ghi trong Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy Công an nhân dân số:…….. đủ điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, được phép hoạt động vùng:

…….……...…….....……

Sức chở người:……..… người. Lượng chở hàng:……..…….....…… tấn

Giấy này có hiệu lực đến ngày…… tháng…….. năm…..……

……, ngày…..... tháng…... năm……
……..(5)…….

Ghi chú:

- Kích thước Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy Công an nhân dân: 13cm x 19cm. Nền in chìm hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển, chính giữa in chìm hình Công an hiệu. Dòng chữ "Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy Công an nhân dân" in màu đỏ cờ, các nội dung còn lại in màu đen. Chất liệu: giấy 230g/m^2.

- (1): Ghi tên đơn vị đăng kiểm;

- (2): Kết cấu gồm 3 phần: Số thứ tự, ký hiệu địa phương quản lý, sử dụng phương tiện thủy trước chữ "CN" và 02 chữ số cuối của năm cấp; giữa mỗi phần có dấu "/"; ví dụ: Phương tiện thủy Công an tỉnh Ninh Bình quản lý, kiểm tra năm 2025 ghi là ..../35CN/25. Trường hợp cấp đăng kiểm tạm thì thêm ký hiệu ĐKT vào sau 02 chữ số cuối của năm cấp.

- (3): Nếu phương tiện thủy chưa đặt tên thì ghi theo chủng loại phương tiện thủy; ví dụ:"tàu tuần tra", "xuồng máy",...

- (4): Ghi công dụng của phương tiện thủy, ví dụ: Tuần tra, kiểm soát; phòng cháy, chữa cháy;....

- (5): Chức vụ của người ký.

BỘ CÔNG AN

SỔ KIỂM TRA KỸ THUẬT
PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

(Bìa chính)

Mẫu ĐK4
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

1- Sổ kiểm tra kỹ thuật để ghi các đặc tính kỹ thuật của phương tiện thủy và kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật lần đầu, định kỳ, hàng năm, trên đà, bất thường đối với phương tiện thủy.

2- Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật cùng các giấy tờ có liên quan của phương tiện thủy do thuyền trưởng chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản và xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của cấp có thẩm quyền.

[X] - Thoả mãn
[O] - Không thoả mãn
[-] - Không áp dụng
[H] - Hạn chế

(Bìa lót)

SỔ KIỂM TRA KỸ THUẬT PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Cấp cho phương tiện:..... (1).....

Số đăng ký:.....

Đơn vị kiểm tra ATKT:.....

Đơn vị sử dụng:.....

Quyển số:..... (2) .....

(Bìa phụ)

ĐẶC TÍNH CHUNG CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY

Ký hiệu thiết kế:.....; Công dụng:.....

Nơi SX:.....; Năm SX:.....

Chiều dài lớn nhất: L_{max}.....m; Chiều cao: D..... m

Chiều dài thiết kế: L_{TK}m; Mạn khô: F.....mm

Chiều rộng lớn nhất: B_{max}…….....….. m; Chiều rộng TK: B_{TK}..... m

Chiều chìm TB khi đầy tải: d…….....…… m; Tổng dung tích:.....

Dung tích có ích:.....; Lượng chở hàng:..... tấn

Sức chở người:người:..... Số thuyền viên:..... người

Tốc độ (100% công suất):..... hải lý/h

Lực kéo lớn nhất tại móc (khi dùng để kéo):..... Kg

THÂN PHƯƠNG TIỆN THỦY

Vật liệu:.....; Hệ thống kết cấu:.....

Chiều dày vỏ: Đáy..... mm; Mạn..... mm; Boong..... mm

Số lượng vách ngang kín nước:.....; chiều dầy vách:..... mm

Số lượng vách dọc kín nước:.....; chiều dầy vách:..... mm

THIẾT BỊ LÁI

Kiểu bánh lái: Lái chính.....; số lượng:; Lái phụ:.....; số lượng:.....

Kiểu truyền động:.....

THIẾT BỊ NEO

Kiểu:.....; số lượng:.....

Trọng lượng: Neo phải:..... kg; Neo trái:..... kg

Chiều dài xích: Neo phải:..... m; Neo trái:..... m

Đường kính xích (cáp) neo:..... mm

Máy neo (kiểu, công suất):.....

THIẾT BỊ CHẰNG BUỘC

Dây chằng buộc: vật liệu:.....; đường kính..... mm; chiều dài..... m
Cột buộc: vật liệu.....; kiểu.....; số lượng.....

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè: số lượng.....; sức chở..... người
Dụng cụ nổi: số lượng.....; sức chở..... người
Phao tròn:..... chiếc; Phao áo:..... chiếc

TRANG BỊ CỨU HỎA

Bơm nước:số lượng….; lưu lượng..... m^3/h; Bình bọt:..... cái; Bình CO2:..... cái

☐ Rồng vải ☐ Xô múc nước ☐ Cát ☐ Rìu
☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Bạt

PHƯƠNG TIỆN CỨU ĐẮM

Bơm cơ giới:..... cái; lưu lượng..... m^3/h; Bơm tay:..... cái; lưu lượng..... m^3/h

☐ Bạt chống thủng ☐ Gỗ ☐ Giẻ
☐ Xi măng chống thủng ☐ Đồ nghề và đinh ☐ Số lượng cưa sắt
☐ Phoi xảm, dụng cụ xảm ☐ Matít ☐ Số lượng đục sắt

ÂM TÍN HIỆU VÀ VẬT HIỆU

Số lượng còi hơi:.....; Số lượng còi điện:.....

Đèn hành trình ☐ Trắng ☐ Xanh ☐ Đỏ
☐ Đèn lai dắt ☐ Đèn neo ☐ Đèn pha
☐ Đèn vàng nhấp nháy

Vật hiệu: ☐ Hình cầu ☐ Hình nón

Số lượng pháo hiệu các loại:.....

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ Đồng hồ buồng lái ☐ Ống nhòm
☐ Máy đo sâu ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước
☐ Máy xác định toạ độ ☐ Bộ cờ ☐ Các thiết bị khác

MÁY CHÍNH

Số lượng, kiểu máy:.....; Số máy:.....
Nơi SX.....; Năm SX:.....
Tổng công suất:..... HP; Vòng quay:..... vòng/phút

MÁY PHỤ

Số lượng, kiểu máy:.....; Số máy:.....
Nơi SX:.....; Năm SX:.....
Công suất:..... HP; Vòng quay:..... vòng/phút
Công dụng:.....

CHÂN VỊT

Chân vịt: đường kính..... mm; số lượng.....; vật liệu:.....

THIẾT BỊ ĐIỆN

Máy phát: Số lượng:…….....…; tổng công suất:..... KW
Ắc qui: Số lượng:.....; tổng dung lượng:..... Ah

THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Máy phát chính kiểu:……..; Máy thu chính kiểu:.....
Trạm VHF.....; Rada:.....
Các thiết bị khác:.....

BUỒNG NGHỈ

Số 1: diện tích..... m^2; số ghế:..... ; số giường:.....; tổng số người.....
Số 2: diện tích..... m^2; số ghế:.....; số giường:.....; tổng số người.....
Số 3: diện tích.....m^2; số ghế:.....; số giường:.....; tổng số người.....
Số 4: diện tích.....m^2; số ghế:.....; số giường:.....; tổng số người.....

TRANG BỊ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM

- Thiết bị lọc: .....; Số chế tạo: .....
-Thiết bị phân ly: ..... ; Số chế tạo:.....
- Két thu hồi: vật liệu: ..... ; dung tích: ..... m^3
- Két lắng: vật liệu: ..... ; dung tích: ..... m^3
- Két dầu cặn: vật liệu: ..... ; dung tích: ..... m^3
- Thiết bị chứa rác: số lượng……..; Tổng thể tích ..... m^3

CÁC THÔNG TIN KHÁC

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

CHỨNG NHẬN

Phương tiện: .....

Số kiểm soát: .....

1. Thoả mãn các yêu cầu của quy phạm, được trao cấp: .....

Vùng hoạt động: .....

.....

2. Dấu hiệu chuyên chở và thước nước đã được gắn, khắc vào mạn phương tiện thủy theo đúng quy định.

Mạn khô: F=..... mm

Chiều chìm: d=..... m

....., ngày..... tháng.....năm.....

CÁN BỘ ĐĂNG KIỂM ……(3)…….

KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT

Căn cứ vào quy phạm, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành ngày..... tháng .....năm.....tại.....

1 – Cán bộ đăng kiểm:.....

.....

2 - Cán bộ đăng kiểm:.....

.....

Đã có mặt tại phương tiện thủy để kiểm tra:

NHẬN XÉT VÀ YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT LUẬN

- Trạng thái chung: .....

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, phương tiện thủy được đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm.....

Được phép hoạt động trong vùng: .....

Lượng chở hàng: .....tấn. Sức chở người:.....người

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

CÁN BỘ ĐĂNG KIỂM

Căn cứ vào biên bản kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy Công an nhân dân số…….. ngày …. tháng…. năm…., thủ trưởng cơ quan đăng kiểm phương tiện thủy quyết định đình chỉ hoạt động phương tiện thủy có số đăng ký:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

……(3)……

Ghi chú:

+ Kích thước Sổ kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy Công an nhân dân: 13,5cm x 19,5cm. Bìa da, màu xanh nước biển, chữ và hình Công an hiệu in mạ vàng. Bên trong giấy trắng, chất liệu 70g-90g/m^2.

+ Sổ gồm 4 phần:

- Bìa: gồm 03 phần bìa chính, bìa lót và bìa phụ.

- Phần ghi đặc tính chung của phương tiện thủy gồm 04 trang, ghi đủ các thông số theo mẫu.

- Phần chứng nhận của cơ quan đăng kiểm.

- Phần ghi nội dung các lần kiểm tra tiếp theo.

+ Ngoài ra ở mỗi lần kiểm tra tiếp theo có 01 trang để ghi kết luận của thủ trưởng cơ quan đăng kiểm về việc đình chỉ hoạt động của phương tiện thủy (trong trường hợp phương tiện thủy bị đình chỉ hoạt động) hoặc dùng để dán Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy Công an nhân dân (trong trường hợp thỏa mãn).

+ (1): Nếu phương tiện thủy chưa đặt tên thì ghi theo chủng loại phương tiện thủy; ví dụ: "tàu tuần tra", "xuồng máy",...

+ (2): Kết cấu gồm 03 phần, giữa mỗi phần có dấu "/":

- Số thứ tự.

- Ký hiệu đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng phương tiện thủy trước chữ "KT".

- 02 chữ số cuối của năm cấp sổ.

- Ví dụ: Phương tiện thủy do Công an thành phố Hà Nội quản lý, được cấp sổ năm 2025 ghi là: ...../29KT/25.

+(3): Ghi chức vụ của người ký

Mẫu ĐK5
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

……
……
Số:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
VỀ VIỆC THẤT LẠC, MẤT HỒ SƠ PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Hồi……giờ…… ngày…… tháng……năm…… tại……
……

Chúng tôi gồm:

1. Đ/c:……; Đơn vị, chức vụ:……
2. Đ/c: ……; Đơn vị, chức vụ:……
3. Đ/c: ……; Đơn vị, chức vụ:……
4. Đ/c: ……; Đơn vị, chức vụ:……

Cùng tiến hành lập biên bản về việc thất lạc, mất hồ sơ phương tiện:
……

Số đăng ký:…… ; Đơn vị quản lý:……
Đã được đăng ký tại:……ngày…… tháng…… năm……
Có các thông số kỹ thuật sau:
Chiều dài lớn nhất:…… m; Chiều rộng lớn nhất…… m.
Chiều cao mạn:…… m; Mớn nước tối đa…… m.
Kiểu máy chính:……; Số máy:……
Công suất máy:…… HP.
Hồ sơ bị mất, thất lạc gồm:……
……
Lý do mất, thất lạc:……
……
……

Biên bản lập xong hồi…… ngày…… giờ…… tháng…… năm…… đã đọc cho mọi người có tên ghi trong biên bản nghe và cùng ký tên dưới đây.

…… **Người lập biên bản**

ĐỀ XUẤT CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN

.....

.....

.....

.....

.....(1).....

Ghi chú:

- Kích thước khổ giấy tiêu chuẩn A4, giấy trắng, nội dung in màu đen, chất liệu giấy 70g-90g/m^2.

- (1): Ghi chức vụ của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng phương tiện.

Mẫu ĐK6
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

.....

NHẬT KÝ HOẠT ĐỘNG
PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Phương tiện:.....(1) .....

Số đăng ký: .....…

Đơn vị sử dụng:.....

QUYỂN SỐ:.....

- Từ ngày ...../...../20.....
- Đến ngày ...../...../20.....

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Nhật ký hoạt động do thuyền trưởng bảo quản và được ghi chép rõ ràng, đầy đủ, trung thực, thường xuyên vào các cột, mục trong sổ.

2. Tóm tắt hành trình khi phương tiện hoạt động:

- Nội dung công việc được giải quyết.
- Sự cố máy móc.
- Tình hình thời tiết, thủy văn.
- Tai nạn, va chạm ...

3. Nhật ký phải được giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ, không tẩy xóa. Khi có yêu cầu kiểm tra, thuyền trưởng phải có trách nhiệm xuất trình.

STT	LỊCH TRÌNH (Thời gian đi, đến, tuyến hoạt động)	THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG MÁY CHÍNH		
		Giờ, phút khởi động máy	Giờ, phút tắt máy	Vòng quay trung bình
1	2	3		

TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG (các hoạt động bất thường, hư hỏng của phương tiện)	PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC CÁC HƯ HỎNG	NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN (ký ghi rõ họ tên)	GHI CHÚ
4	5	6	7

Ghi chú:

+ Kích thước Nhật ký hoạt động phương tiện thủy Công an nhân dân: 25cm x 17,5cm. Bìa màu xanh da trời, nội dung in chữ màu đen, chất liệu giấy 230g-250g/m^2. Bên trong giấy trắng, chất liệu 70g-90g/m^2.

+ Sổ gồm 2 phần:

- Bìa: gồm 02 phần bìa chính và bìa phụ.

- Phần ghi nhật ký hành trình của phương tiện.

+ (1): Ghi tên phương tiện theo Giấy đăng ký phương tiện thủy.

Mẫu ĐK7
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Hàng năm: ☐ **Lần đầu:** ☐ **Bất thường:** ☐

Số:.....(1).....

Tên phương tiện:.....(2)..... Số đăng ký.....
Đơn vị sử dụng:.....

Đặc tính kỹ thuật của phương tiện: - Lmax x Bmax:.....
- L x B x D x d:.....
- Số lượng, kiểu máy chính:.....; Công suất máy:..... (HP); Số máy:.....

Vào hồi .....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Chúng tôi gồm:

Bên kiểm tra:.....
- Đ/c:..... (3).....
- Đ/c:.....

Bên quản lý phương tiện:.....
- Đ/c:..... Chức vụ:.....
- Đ/c:..... Chức vụ:.....

Đã kiểm tra phương tiện trên ở: - Trên đà ☐ - Trạng thái nổi ☐

Qua kiểm tra hồ sơ và trạng thái kỹ thuật phương tiện thấy:

I. Thân phương tiện

Đã được bảo quản, sửa chữa và thử hoạt động có trạng thái kỹ thuật: ☐

II. Trang thiết bị

1. Thiết bị lái được bảo quản sửa chữa và hoạt động thử có trạng thái kỹ thuật ☐
2. Thiết bị neo: Neo, xích, tời và các chi tiết liên kết có trạng thái kỹ thuật: ☐
3. Trang bị cứu sinh: Số lượng, chất lượng: ☐
4. Trang bị chữa cháy: Số lượng, chất lượng: ☐
5. Thiết bị cứu đắm: Đủ theo quy định ☐
6. Thiết bị kéo, đẩy: Cáp, cột bích, móc kéo: ☐
7. Thiết bị chằng buộc: ☐
8. Trang bị tín hiệu: ☐
9. Trang bị hàng hải: ☐
10. Các trang thiết bị chuyên dùng khác: ☐

III. Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm: ☐

IV. Hệ thống động lực:

1. Máy chính có thông số kỹ thuật: ☐

2. Máy phụ có thông số kỹ thuật: ☐

3. Các bệ đỡ, hệ trục chân vịt, chân vịt có thông số kỹ thuật: ☐

V. Các hệ thống và đường ống: ☐

VI. Thiết bị điện: ☐

VII. Dấu mạn khô: ☐

VIII. Các nắp đậy, cửa các lỗ xả và thoát nước ở mạn, thiết bị đóng, mở có kết cấu vững chắc, hoạt động dễ dàng và yêu cầu kín nước: ☐

Kết Luận:.....

.....

.....

Trạng thái kỹ thuật chung của phương tiện:.....

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, phương tiện thoả mãn quy phạm, được trao cấp: .....;Vùng hoạt động.....

Sức chở người:..... người. Lượng chở hàng:.....tấn.

Thời hạn kiểm tra chu kỳ tới:

- Kiểm tra định kỳ, ngày..... tháng..... năm .....

- Kiểm tra hàng năm, ngày..... tháng..... năm..... .

Được đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có hiệu lực đến ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản lập xong, đã đọc lại cho mọi người có tên ghi trong biên bản nghe, thông qua và cùng ký tên dưới đây.

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản giao cho Thuyền trưởng, 01 bản giao cho Cơ quan đăng ký phương tiện./.

BÊN KIỂM TRA	BÊN QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN
(Từng người ký, ghi rõ họ tên)	*(Từng người ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

- Kích thước khổ giấy tiêu chuẩn A4, giấy trắng, nội dung in màu đen, chất liệu giấy 70g-90g/m^2.

- (1): Kết cấu gồm 3 phần: Số thứ tự, ký hiệu địa phương quản lý, sử dụng phương tiện trước chữ "BB" và 02 chữ số cuối của năm kiểm tra; giữa mỗi phần có dấu "/"; ví dụ: Phương tiện do Công an tỉnh Quảng Ninh quản lý được kiểm tra năm 2025 ghi là ..../14BB/25.

- (2): Nếu phương tiện chưa đặt tên thì ghi theo chủng loại phương tiện; ví dụ:"tàu tuần tra", "xuồng máy",...

- (3): Ghi rõ họ tên và số giấy chứng nhận đăng kiểm viên của cán bộ đăng kiểm.

- Thoả mãn : [X] - Không thoả mãn: [O] - Không áp dụng: [–] - Hạn chế: [H]

Mẫu *ĐK8*
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THUỶ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……../TĐTK- (*)

CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY

Tên/ký hiệu thiết kế:.....
Loại thiết kế:.....
Kiểu và công dụng của phương tiện:.....
Vật liệu thân phương tiện:.....
Chiều dài (Lmax/L):..... (m); Tổng dung tích (GT):.....
Chiều rộng (Bmax/B):..... (m); Trọng tải toàn phần (DW):..... (tấn)
Chiều cao mạn (D):…… (m); Số thuyền viên:..... (người)
Chiều chìm thiết kế (d):..... (m); Số cán bộ công tác:.....…..... (người)
Ký hiệu máy chính:.....;
Số lượng:..... (chiếc); Công suất:..... (sức ngựa)
Cấp kỹ thuật:.....
Vùng hoạt động:.....
Đã được thiết kế phù hợp với:.....
Số thẩm định:.....
Giấy đề nghị thẩm định thiết kế số:..... Ngày:.....
Đơn vị thiết kế:.....
Chủ sử dụng thiết kế:.....
Số lượng đóng:..... (chiếc); Nơi đóng:.....
Đơn vị giám sát:.....
Những lưu ý:...../.

……., ngày….. tháng….. năm…..
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Ghi chú: (*) trường hợp là thiết kế đóng mới thì ghi là ĐM, trường hợp là thiết kế hoán cải thì ghi là HC, trường hợp là thiết kế sửa đổi thì ghi là SĐ, trường hợp là thiết kế lập hồ sơ thì ghi là LHS.

Mẫu ĐK9
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng…. năm….

BIÊN BẢN KIỂM TRA GIÁM SÁT KỸ THUẬT

Số:……..

I. Thông tin về phương tiện:

Tên phương tiện: ……...……...

Đơn vị thiết kế:……...……...

Ký hiệu thiết kế: ……. Số duyệt thiết kế:…...……..…

Số kiểm soát: ……...…….

Chủ đầu tư: ……...……

Đơn vị thi công: ……...…….

Hôm nay, ngày… tháng… năm… tại……...……...…….

II. Thành phần tham gia kiểm tra:

- ……..…….....…….
- ……..…….....…….
- ……..…….....…..
- …….. …….....
- Các bên liên quan:…….....

.....

III. Nội dung và kết quả kiểm tra*(ghi rõ nội dung kiểm tra và tình trạng kỹ thuật thực tế)*

……...
.....……
……..
……...
..…….
...……...
...……
…...……
……...
...……

……..…
……..…
……..……
……..……
……....……
……..……
……...……
……...……
……...……
……...……
……...……
……...……
……...……
……...……

Kết luận:

……..……....……
……...……
……...……
……..……
……..……
……..……

Những lưu ý cụ thể:

……
……
……
……
……

Cuộc kiểm tra kết thúc lúc…. giờ…. phút; Biên bản được lập thành… bản có nội dung như nhau đã được các bên tham gia thông qua và mỗi bên ký tên giữ một bản.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ….. *(ký và ghi rõ họ tên, chức danh)*	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA**

Mẫu ĐK10
Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BCA
ngày 23/9/2025 của Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……..

.....

SỔ THEO DÕI ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY CÔNG AN NHÂN DÂN

Quyển số:.....
- *Từ ngày:...../...../20.....*
- *Đến ngày:...../...../20.....*

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	SỐ ĐĂNG KÝ	NGÀY ĐĂNG KÝ	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ	NĂM HẠ THỦY	KÝ HIỆU THIẾT KẾ	MÁY CHÍNH			
							Loại máy	Số máy	Công suất	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

NGUỒN GỐC PHƯƠNG TIỆN	VẬT LIỆU VỎ	TRỌNG TẢI	KÍCH THƯỚC			CƠ QUAN ĐĂNG KIỂM LẦN ĐẦU	CÁN BỘ ĐĂNG KÝ	LÃNH ĐẠO DUYỆT	GHI CHÚ
			L	B	D				
12	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**	**18**	**19**	**20**	**21**

Ghi chú:

- Kích thước Sổ theo dõi đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy Công an nhân dân: 18cm x 26cm.

- Bìa màu trắng, nội dung in chữ màu đen, chất liệu giấy 230g/m^2.

- Bên trong giấy trắng, chất liệu 70g-90g/m^2